TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày: 05-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Hồng Q** (tên gọi khác: Tèo); sinh năm 1976, tại huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 7/12, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; con ông: Lê Văn B, sinh năm: 1954 và bà: Võ Thị M, sinh năm: 1954; vợ: Phạm Thị Đức V (đã ly hôn), con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-12-2018 đến nay (có mặt).

2/ **Trần Phước L**, sinh năm 1979, tại huyện HT, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp TĐ, xã TĐ, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 5/12, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông: Trần Minh N (đã chết) và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1944; vợ: Phạm Thị H (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 42/LC-ĐTTH ngày 22-01-2019, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Bà Ngô Thị D, sinh năm: 1958, có đơn yêu cầu vắng mặt
Địa chỉ: Ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
2/ Bà Huỳnh Thị U, sinh năm: 1967, có đơn yêu cầu vắng mặt
Địa chỉ: Ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- *Người làm chứng:* Đặng Thành N, Đỗ Minh K, Huỳnh Thị D (tất cả vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/01/2018, do không có tiền tiêu xài Lê Hồng Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, Q đến nhà bà Huỳnh Thị U, ngụ ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh giả vờ thỏa thuận mua bán lúa tươi với bà U và bà Ngô Thị D, ngụ ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (bà U và bà D hùn vốn thu mua lúa tươi) nhưng thực tế Q không có trồng lúa. Do trước đó khoảng 02 năm, bà U có mua lúa khô của Q nên tưởng Q có lúa thật và đồng ý ký hợp đồng mua lúa tươi với Q 2,5 ha đất trồng lúa với giá 4.900 đồng/1kg và đặt tiền cọc cho Q trước 8.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2018, với thủ đoạn trên Q cùng Trần Phước L, đến nhà bà U tiếp tục thỏa thuận bán lúa tươi cho bà U và bà D. Tại đây, Q giới thiệu L tên là Nguyễn Văn T nhà ở ấp CT, xã CG, huyện GD có 2,6 ha đất trồng lúa gần đất trồng lúa của Q, tưởng thật nên bà D đã ký hợp đồng mua lúa với Tý 2,6 ha đất trồng lúa, giá 5.000 đồng/1kg và đặt cọc trước cho Tý 10.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2018, Q dẫn bà U và bà D đến một cánh đồng lúa ở xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh nói là lúa của Q và Tý rồi hẹn bà U và bà D đến ngày 20/4/2018 sẽ thu hoạch lúa. Ngày 20/4/2018, bà D và bà U phát hiện Q không có trồng lúa nên điện thoại cho Q, Q nói không có lúa rồi tắt máy điện thoại, bà D và bà U biết mình bị lừa nên làm đơn tố cáo Q.

Vật chứng thu giữ: 02 hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 08/12/2017 (âm lịch) và ngày 21/12/2017 (âm lịch) đưa vào hồ sơ vụ án.

Về bồi thường thiệt hại: Gia đình Q và L đã bồi thường cho bà U và bà D tiền thiệt hại 36.000.000 đồng. bà U và bà D tự nguyện làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho Q và L.

Về kê biên tài sản: Lê Hồng Q và Trần Phước L không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh không kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT/VKSGD ngày 01-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Lê Hồng Q và Trần Phước L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Hồng Q từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Phước L từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản. Về bồi thường thiệt hại: Gia đình Q và L đã bồi thường cho bà U và bà D tiền thiệt hại 36.000.000 đồng, bà U và bà D tự nguyện làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho Q và L nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: 02 hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 08/12/2017 (âm lịch) và ngày 21/12/2017 (âm lịch) đưa vào hồ sơ vụ án. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Bị cáo không có gì bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã hối hận về hành vi của mình, ăn năn hối cãi, tự nguyện bồi thường thiệt hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

Tại phiên toà các bị cáo Lê Hồng Q, Trần Phước L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Ngày 24/01/2018 bị cáo Q đến nhà bà Huỳnh Thị U, ngụ ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh giả vờ thỏa thuận mua bán lúa tươi với bà U và bà Ngô Thị D, ngụ ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh nhưng thực tế Q không có trồng lúa. Bà U đồng ý ký hợp đồng mua lúa tươi với Q 2,5 ha đất trồng lúa với giá 4.900 đồng/1kg và đặt tiền cọc cho Q trước 8.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2018, bị cáo Q đến nhà bị cáo L chơi rồi rủ rê, lôi kéo bị cáo L đến nhà bà U tiếp tục thỏa thuận bán lúa tươi cho bà U và bà D. Tại đây, Q giới thiệu L tên là Nguyễn Văn T nhà ở ấp CT, xã CG, huyện GD có 2,6 ha đất trồng lúa gần đất trồng lúa của Q, tưởng thật nên bà D đã ký hợp đồng mua lúa với T 2,6 ha đất trồng lúa, giá 5.000 đồng/1kg và đặt cọc trước cho T 10.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2018, Q dẫn bà U và bà D đến một cánh đồng lúa ở xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh nói là lúa của Q và T rồi hẹn bà U và bà D đến ngày 20/4/2018 sẽ thu hoạch lúa. Ngày 20/4/2018, bà D và bà U phát hiện Q không có trồng lúa nên điện thoại cho Q, Q nói không có lúa rồi tắt máy điện thoại, bà D và bà U biết mình bị lừa đảo.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Đối với hành vi của các bị cáo Lê Hồng Q, Trần Phước L xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất mức độ, hành vi của bị cáo:

Các bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 18.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo phạm tội là do tham lam, không chịu lao động lương thiện để nuôi sống bản thân, mà lại muốn hưởng thụ sung sướng trên công sức lao động của người khác, muốn có tiền tiêu xài mà bất chấp pháp luật nên từ đó dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Các bị cáo có sự bàn bạc, nhất trí cùng thực hiện tội phạm nhưng chưa tính toàn, câu kết chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q có hành vi lôi kéo bị cáo L phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo Q bỏ trốn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần tuyên đối với các bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với các bị cáo, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, để đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, bị cáo Q tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Q phạm tội 02 lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận Q tác động gia đình bồi thường và bị cáo L đã bồi thường cho bà U và bà D tiền thiệt hại 36.000.000 đồng. Bà U và bà D tự nguyện làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Q và L và các bị hại không yêu cầu bồi thường gi thêm.

[6] Về xử lý vật chứng: 02 (hai) hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 08/12/2017 (âm lịch) và ngày 21/12/2017 (âm lịch) đưa vào hồ sơ vụ án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng Q, Trần Phước L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng Q** 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là 23-12-2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Phước L** 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử lý vật chứng: 02 (hai) hợp đồng mua bán lúa tươi đề ngày 08-12-2017 (âm lịch) và ngày 21-12-2017 (âm lịch) đưa vào hồ sơ vụ án.

- Bồi thường thiệt hại: Ghi nhận gia đình bị cáo và bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà U, bà D số tiền 36.000.000 đồng và bà U, bà D không yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

5. Án phí: Bị cáo Lê Hồng Q, Trần Phước L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- THADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Minh Hiếu